

Bản án số: 52/2024/HNGĐ-ST
Ngày 06 - 08 - 2024
V/v ly hôn, nuôi con

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN MINH, TỈNH KIÊN GIANG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Tới

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Đoàn Thị Huệ

2. Ông Nguyễn Tấn Đễ

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Phan Thị Hồng Nhung - Thư ký Tòa án nhân dân huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang:** Ông Trần Văn Ý, Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 08 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 56/2024/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 04 năm 2024 về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 115/2024/QĐXXST- HNGĐ ngày 01 tháng 7 năm 2024 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1982 (có đơn xin vắng mặt)

Địa chỉ: **ấp A, xã A, huyện U, tỉnh Kiên Giang**

- **Bị đơn:** Anh Danh Q, sinh năm 1978 (vắng mặt)

Địa chỉ: **ấp T, xã Đ, huyện A, tỉnh Kiên Giang.**

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện và các lời khai tại Tòa án nguyên đơn chị Nguyễn Thị T trình bày và yêu cầu như sau:

Chị và anh Q chung sống với nhau vào năm 2009, có đăng ký kết hôn tại UBND xã A vào năm 2012, trong quá trình chung sống giữa vợ chồng không hòa hợp nhau, anh Q thường xuyên uống rượu, về nhà hay chửi bới xúc phạm chị và gia đình cha mẹ chị. Chị đã nhiều lần bỏ qua để anh Q sửa đổi, nhưng anh Q không sửa

đổi bản thân mà ngày càng xúc phạm nhiều hơn nên chị về nhà cha mẹ ruột sinh sống. Vợ chồng ly thân nhau từ năm 2022 đến nay.

Vợ chồng có 01 con chung tên **Danh Thị Cẩm N**, sinh ngày 14/07/2010. Hiện nay đang sống chung với chị **T**.

Về tài sản chung và nợ chung: Vợ chồng không tranh chấp tài sản chung và không nợ ai, nên không yêu cầu xem xét.

Chị **T** yêu cầu được ly hôn với anh **Q**, yêu cầu được nuôi con chung, không yêu cầu cấp dưỡng.

*Tại phiên tòa, chị **T** xin vắng mặt nên không có lời trình bày.*

** Bị đơn anh **Danh Q** vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án nên không có lời trình bày.*

*Tại phiên tòa, anh **Q** vắng mặt nên không có lời trình bày.*

Kiểm sát viên phát biểu: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký, nguyên đơn thực hiện đúng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự; bị đơn thực hiện chưa đúng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Hướng giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn; giao con chung cho nguyên đơn tiếp tục nuôi dưỡng, nguyên đơn không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên không xét, không tranh chấp tài sản chung, không nợ người khác nên không xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án tiến hành thu thập chứng cứ, công khai chứng cứ và hòa giải, nhưng anh **Q** thực hiện chưa đúng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự (vắng mặt), nên vụ án được xác định thuộc trường hợp không tiến hành hòa giải được theo quy định tại khoản 1 Điều 207 của Bộ luật Tố tụng dân sự; ngày 06/06/2024 chị **T** nộp đơn xin giải quyết vắng mặt. Tòa án đến nơi cư trú của anh **Q** để tiến hành lấy lời khai nhưng anh **Q** không có mặt tại nơi cư trú nên Tòa án không tiến hành lấy lời khai anh **Q** được. Ngày 01/07/2024 Tòa án ra Quyết định đưa vụ án ra xét xử. Tại phiên tòa, anh **Q** vắng mặt lần thứ nhất không lý do nên Hội đồng xét xử Quyết định hoãn phiên tòa theo quy định tại khoản 1 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Sau khi hoãn phiên tòa, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ Quyết định hoãn phiên tòa cho anh **Q** nhưng anh **Q** vẫn vắng mặt không lý do nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh **Q** và chị **T** theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị T và anh D Quon chung sống vào năm 2009, có đăng ký kết hôn tại UBND xã A vào năm 2012, trong quá trình chung sống giữa vợ chồng không hòa hợp nhau, thường xuyên cãi nhau đến năm 2022 chị T và anh Q ly thân nhau đến nay.

Xét thấy giữa chị T và anh Q đã ly thân nhau trong một thời gian dài, hai người không có biện pháp hàn gắn, mâu thuẫn giữa vợ chồng ngày càng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị T và đề nghị của Kiểm sát viên, cho chị T được ly hôn với anh Q.

[3] Về quan hệ con chung: Chị Nguyễn Thị T và anh D Quon xác định, chị T và anh Q có 01 con chung tên Danh Thị Cẩm N, sinh ngày 14/07/2010. Hiện nay đang sống chung với chị T. Tại biên bản lấy ý kiến con chưa thành niên ngày 22/05/2024 thì cháu N có nguyện vọng sống với chị T và nguồn thu nhập hàng tháng của chị T cũng đảm bảo cho việc nuôi con. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị T và đề nghị của Kiểm sát viên. Giao con chung tên Danh Thị Cẩm N, sinh ngày 14/07/2010 cho chị T tiếp tục nuôi dưỡng.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con: Chị T không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về quan hệ tài sản chung và nợ chung: Chị T xác định là không tranh chấp tài sản chung và không nợ chung, không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí: Chị Nguyễn Thị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1, khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 235 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56, Điều 81, khoản 3 Điều 82; 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5, Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của chị Nguyễn Thị T.

- Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Nguyễn Thị T được ly hôn với anh Danh Q.

- Về quan hệ con chung: Giao con chung tên Danh Thị Cẩm N, sinh ngày 14/07/2010 cho chị T tiếp tục nuôi dưỡng.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con, không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

- *Về cấp dưỡng nuôi con:* Chị **T** không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- *Về quan hệ tài sản chung và nợ chung:* Chị **T** xác định là không tranh chấp tài sản chung và không nợ chung, không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- *Về án phí:* Chị **Nguyễn Thị T** phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn là 300.000 đồng, được trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm, theo Biên lai thu số: 0005217 ngày 29/03/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Minh. Chị **T** đã nộp xong.

- *Về quyền kháng cáo:* Án xử sơ thẩm công khai, vắng mặt, các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKS huyện AM;
- Tòa án tỉnh KG;
- CCTHADS huyện AM;
- UBND xã An Minh Bắc;
- Lưu HS, Văn phòng TA huyện AM.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Trần Văn Tới

